

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT (*)

Năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	31/12/2008	01/01/2008
I	Tài sản ngắn hạn	3,849,009,101,068	3,135,512,550,218
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	510,218,287,249	399,322,647,501
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	734,385,999,000	266,000,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	720,175,258,324	784,381,315,064
4	Hàng tồn kho	1,820,239,669,743	1,580,078,042,688
5	Tài sản ngắn hạn khác	63,989,886,752	105,730,544,965
II	Tài sản dài hạn	1,790,365,447,257	1,621,282,269,054
1	Các khoản phải thu dài hạn	43,404,000	239,429,372,500
2	Tài sản cố định	1,265,421,455,951	950,048,782,543
*	Tài sản cố định hữu hình	877,668,572,169	866,051,056,425
*	Tài sản cố định thuê tài chính	12,691,678,733	14,959,391,455
*	Tài sản cố định vô hình	264,612,717,186	40,827,966,713
*	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	110,448,487,863	28,210,367,950
3	Bất động sản đầu tư	18,330,500,676	7,206,963,211
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	380,605,806,896	392,259,430,415
5	Tài sản dài hạn khác	125,964,279,734	32,337,720,385
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5,639,374,548,325	4,756,794,819,272
IV	Nợ phải trả	1,294,098,304,111	1,533,364,217,971
1	Nợ ngắn hạn	1,256,330,621,478	1,268,386,837,443
2	Nợ dài hạn	37,767,682,633	264,977,380,528
V	Vốn chủ sở hữu	4,111,066,885,721	3,142,550,739,733
1	Vốn chủ sở hữu	4,070,660,719,967	3,121,496,225,838
*	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,963,639,980,000	1,320,000,000,000
*	Thặng dư vốn cổ phần	1,620,900,010,000	1,315,000,000,000
*	Vốn khác của chủ sở hữu	0	
*	Cổ phiếu quỹ	0	
*	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	
*	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(6,052,555,381)	2,553,408,756
*	Quỹ đầu tư phát triển	0	
*	Quỹ dự phòng tài chính	76,429,969,200	34,196,465,655
*	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	
*	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	415,743,316,148	449,746,351,427
*	Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	40,406,165,754	21,054,513,895
*	Quỹ khen thưởng phúc lợi	40,406,165,754	21,054,513,895
*	Nguồn kinh phí		
*	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	Lợi ích của cổ đông thiểu số	234,209,358,493	80,879,861,568
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5,639,374,548,325	4,756,794,819,272

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,502,113,474,005	5,733,717,351,247
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	137,308,587,515	90,782,853,734
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,364,804,886,490	5,642,934,497,513
4	Giá vốn hàng bán	7,106,495,501,517	4,676,412,401,178
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,258,309,384,973	966,522,096,335
6	Doanh thu hoạt động tài chính	149,814,918,227	25,886,619,517
7	Chi phí tài chính	170,814,160,131	45,263,940,647
8	Chi phí bán hàng	106,407,582,550	89,005,679,048
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	138,459,531,793	106,717,971,926
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	992,443,028,726	751,421,124,231
11	Thu nhập khác	26,286,316,582	30,417,104,853
12	Chi phí khác	9,650,307,370	23,790,764,765
13	Lợi nhuận khác	16,636,009,212	6,626,340,088
14	Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	9,550,446,007	1,378,132,059
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,018,629,483,945	759,425,596,378
15.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	164,134,114,654	122,238,902,370
15.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4,914,943,182)	(6,786,933,085)
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	859,410,312,473	643,973,627,092
16.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	5,219,358,493	1,879,861,568
16.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	854,190,953,980	642,093,765,524
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4,439	5,264
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	2,000	1,000

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Năm 2007	Năm 2008
1	Cơ cấu tài sản:	%		
	* Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		34.08	31.75
	* Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		65.92	68.25
2	Cơ cấu nguồn vốn:	%		
	* Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		32.24	22.95
	* Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		66.06	72.90
3	Khả năng thanh toán:	lần		
	* Khả năng thanh toán nhanh		1.23	1.61
	* Khả năng thanh toán hiện hành		2.47	3.06
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	* Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		18%	16%
	* Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		11%	10%
	* Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		31%	24%

(*) Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Lập ngày 17 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Phạm T.Thanh Hiếu

Nguyễn Thị Thanh Vân